

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DS-ST

Ngày: 25/3/2025

V/v “Tranh chấp dân sự nợ hộ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Thanh Tâm**;

Ông **Võ Chí Sĩ**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký viên.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 841/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp dân sự nợ hộ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm M**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị **Bạch Thị Thu T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Võ Thanh T1**, sinh năm 1988 .

- Ông **Bạch Văn H**, sinh năm 1964 .

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có mặt các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm M trình bày:** Vào năm 2019, chị Nguyễn Thị Cẩm M và chị Bạch Thị Thu T có thực hiện giao dịch tham hụi với nhau, chị T là đầu thảo hụi. Việc chị M và chị T tham gia hụi có anh Võ Thanh T1 (chồng chị T) và ông Bạch Văn H (cha chị T) biết rất rõ. Chi tiết các khoản hụi như sau:

- Hụi 500.000đồng, khai ngày 15/12/2018 đến hết tháng 04/2021, gồm 28 phần, chị M tham gia 03 phần, nhận 01 phần, còn lại 02 phần chưa nhận, số tiền là 26.000.000đồng.

- Hụi 1.000.000đồng, khai ngày 25/01/2019 đến hết tháng 01/2021, gồm 26 phần, chị M tham gia 02 phần, chưa nhận phần nào, số tiền là 49.000.000đồng.

- Hụi 1.000.000đồng, khai ngày 06/6/2019 đến hết tháng 02/2021, gồm 22 phần, chị M tham gia 02 phần, chưa nhận phần nào, số tiền là 40.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền hụi chị T còn nợ chị M là 115.000.000đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*). Chị M đã nhắc nhở, yêu cầu nhiều lần về việc chị T, anh T1 và ông H phải trả khoản tiền hụi còn nợ nêu trên cho chị M. Tuy nhiên, chị T, anh T1 và ông H cố tình né tránh và không chịu trả.

Nay chị Nguyễn Thị Cẩm M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết các nội dung như sau:

- Buộc chị Bạch Thị Thu T, anh Võ Thanh T1 và ông Bạch Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm M số tiền hụi còn nợ là 115.000.000đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên toà chị M rút phần yêu cầu ông H và anh T1 liên đới trả tiền hụi 115.000.000đồng mà chỉ yêu cầu một mình chị T có nghĩa vụ trả tiền.

**Anh T1, chị T, ông H vắng mặt khi hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử nên không có lời trình bày.*

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- + CCCD Nguyễn Thị Cẩm M (bản photo);
- + Biên bản hoà giải ngày 12/7/2024 (bản chính);
- + Sổ hụi đề ngày 06/6/2019 (bản chính);
- + Sổ hụi đề ngày 25/01/2019 (bản chính);
- + Sổ hụi đề ngày 15/12/2018 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét thấy:

Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền họ, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ và bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp dân sự về nợ họ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự. Đối với chị T, anh T1, ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia xét xử nhưng vắng mặt tại phiên hoà giải công khai chứng cứ, phiên tòa mà không có lý do nên áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các sổ hội đề ngày 06/6/2019, sổ hội đề ngày 25/01/2019, sổ hội đề ngày 15/12/2018 biên bản hoà giải ngày 12/7/2024 của Ủy ban xã M, huyện C thể hiện nội dung chị Cẩm M có tham gia 03 dây họ do chị T là chủ họ (đầu thảo) cụ thể:

- Hội 500.000đồng, khai ngày 15/12/2018 đến hết tháng 04/2021, gồm 28 phần, chị M tham gia 03 phần, nhận 01 phần, còn lại 02 phần chưa nhận, số tiền là 26.000.000đồng.

- Hội 1.000.000đồng, khai ngày 25/01/2019 đến hết tháng 01/2021, gồm 26 phần, chị M tham gia 02 phần, chưa nhận phần nào, số tiền là 49.000.000đồng.

- Hội 1.000.000đồng, khai ngày 06/6/2019 đến hết tháng 02/2021, gồm 22 phần, chị M tham gia 02 phần, chưa nhận phần nào, số tiền là 40.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền hội chị Cẩm M chưa nhận 115.000.000đồng dù các phần họ đã kết thúc. Số tiền họ mà chị T có nghĩa vụ phải trả cho chị M còn được thể hiện trong biên bản hoà giải ngày 12/7/2024. Tại biên bản này chị T thừa nhận còn nợ chị Cẩm M số tiền họ lẽ ra phải giao cho chị M 115.000.000đồng nhưng do các thành viên trong 03 phần họ mà chị T làm chủ họ không góp đủ nên chưa có điều kiện giao cho chị Cẩm M. Căn cứ vào điều 471 Bộ luật dân sự và khoản 3, 4 Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ thì chị T chủ họ có nghĩa vụ giao họ cho thành viên khi đến kỳ và nộp thay phần họ mà thành viên khác trong dây họ không nộp, chị T không giao các phần họ mà chị M tham gia là vi phạm nghĩa

vụ của chủ hộ đối với hộ viên nên nay chị Cẩm M yêu cầu chị T trả 115.000.000đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Xét việc rút yêu cầu liên đới trả tiền hộ của chị Cẩm M đối với anh Võ Thanh T1 và ông Bạch Văn H thấy tự nguyện không bị cưỡng ép, không trái đại đức xã hội nên áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của chị Nguyễn Thị Cẩm M.

[3] Về án phí: Chị Bạch Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; đối với nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Và số tiền án phí mà chị T phải nộp được tính trên số tiền phải trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm M $115.000.000\text{đồng} \times 5\% = 5.750.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3, 4 Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm M;
- Đình chỉ phần yêu cầu liên đới trả tiền hộ của chị Nguyễn Thị C Màu đối với anh Võ Thanh T1 và ông Bạch Văn H.
- Buộc chị Bạch Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm M số tiền hộ 115.000.000đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- + Chị Bạch Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.750.000đồng

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm M được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.875.000đồng theo biên lai số 0001736 ngày 03/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Chị Nguyễn Thị Cẩm M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bạch Văn H, anh Võ Thanh T1, chị Bạch Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang